

Bản án số: 14/2020/KDTM-ST
Ngày: 10/8/ 2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huy Cự

Ông Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 7, 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quân đội (MB); địa chỉ: Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đức - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ủy quyền cho Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Quân đội; địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LQN - Chức vụ: Tổng giám đốc. (Văn bản ủy quyền ngày 31/01/2019). Ông N ủy quyền cho bà DTL – Chức vụ Phó Giám đốc TTXLN Công ty MBAMC; địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 01/02/2019). Ủy quyền lại cho ông NTD là Chuyên viên xử lý nợ - Công ty MBAMC; địa chỉ:

Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 04/9/2019).“Có mặt”.

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Bắc Việt; địa chỉ: Xóm 4, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TMC, chức vụ Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà PN, chức vụ Phó Giám đốc(Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020); cùng địa chỉ: tổ 21, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; cùng chỗ ở: Tòa nhà N12-2, khu Đô thị Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.“Có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông NVC, sinh năm 1951. “Vắng mặt”;
2. Bà DTY, sinh năm 1954.“Vắng mặt”;
3. Anh NVC, sinh năm 1976.“Có mặt”;
4. Chị CTH, sinh năm 1980. “Có mặt”;
5. Cháu NTA, sinh năm 1999. “Vắng mặt”;
6. Cháu NAM, sinh năm 2007;

Người đại diện theo pháp luật của cháu NAM là anh NVC và chị CTH (là bố mẹ đẻ của cháu);

7. Cháu NVT, sinh năm 1977. “Vắng mặt”;
8. Chị NTH, sinh năm 1981. “Vắng mặt”;
9. Cháu NQH, sinh ngày 08/5/2002;
10. Cháu NQC, sinh năm 2008;

Người đại diện theo pháp luật của cháu NQH và cháu NQC là cháu NVT và chị NTH (là bố mẹ đẻ của cháu).

Cùng địa chỉ: Thôn Công Luận 2, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/08/2017, Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bắc Việt (sau đây

gọi tắt là bên vay) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 16065.17.741.456383.TD và khế ước nhận nợ số LD1804404931, ngày 13/02/2018, số tiền cho vay 1.120.000.000, lãi suất 10%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay kể từ ngày 14/02/2018 đến ngày 13/08/2018. Việc điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 03 tháng (loại trả lãi sau) của MB xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 3.6%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất gia công gốm, sứ của khách hàng.

Để bảo đảm khoản vay trên Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp tài sản với ông NVC và bà DTY gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là 360m² tại địa chỉ: Thôn Công Luận 2, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Tính đến ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10/8/2020 bên vay đã trả được cho Ngân hàng, cụ thể:

Gốc là 36.000.182 đồng, lãi 43.276.431 đồng. Nợ còn lại: 1.378.986.838 đồng, nợ gốc: 1.083.999.818 đồng, nợ lãi 294.987.020 đồng (trong đó lãi trong hạn 8.206.397 đồng, lãi quá hạn 286.780.623 đồng).

Ngân hàng yêu cầu bên vay trả số tiền trên; bên vay tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc đã thỏa thuận của hợp đồng cho đến ngày bên vay thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng; trường hợp bên vay vi phạm nghĩa trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng; toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn trình bày: Nhất trí với phần trình bày và yêu cầu của Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng xem xét hoàn cảnh kinh doanh gặp nhiều khó khăn tạo điều kiện cho Cty trả nợ dần và giảm lãi suất hoặc miễn lãi suất nợ quá hạn để Cty phục hồi sản xuất trả nợ Ngân hàng để giải chấp tài sản thế chấp trả lại cho bên thế chấp tài sản là ông NVC và bà DTY.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông NVC và bà DTY, cháu NVT chị NTH, cháu NTA) không làm văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ của mình gửi Tòa án.

Anh NVC và chị CTH trình bày: Đề nghị Cty trả các khoản nợ cho Ngân hàng để Ngân hàng sớm làm thủ tục giải chấp tài sản để gia đình tôi ổn định làm ăn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tại phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NVC bà DTY, cháu NVT chị NTH, cháu NTA không chấp hành; về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng. Tính lại lãi suất cho vay theo quy định tại Quyết định số 1425 và Thông tư

số 39 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chấp nhận các yêu cầu khác của Ngân hàng; về án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng vì Ngân hàng Quân đội và Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Bắc Việt là tổ chức có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa lần hai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông NVC và bà DTY, cháu NVT chị NTH, cháu NTA) vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Ngân hàng và bên vay ký Hợp đồng tín dụng: số 16065.17.741.456383.TD ngày 18/8/2017 và khế ước nhận nợ số LD1804404931 ngày 13/02/2018, số tiền cho vay 1.120.000.000 lãi suất 10%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay kể từ ngày 14/02/2018 đến ngày 13/08/2018. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất gia công gồm sứ của khách hàng.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên đúng thẩm quyền, tự nguyện, nội dung phù hợp quy định của pháp luật (trừ phần lãi suất phải điều chỉnh lại) nên căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật đối với các bên.

Căn cứ vào bảng tính lãi và các tài liệu, chứng cứ khác thì tính đến ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/8/2020 bên vay đã trả cho Ngân hàng: Gốc là 36.000.182 đồng, lãi 43.276.431 đồng. Nợ còn lại: 1.378.986.838 đồng, nợ gốc: 1.083.999.818 đồng, nợ lãi 294.987.020 đồng (trong đó lãi trong hạn 8.206.397 đồng, lãi quá hạn 286.780.623 đồng).

Tuy nhiên việc áp dụng mức lãi suất ngắn hạn là 10%/năm đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ là không phù hợp với pháp luật vì:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/07/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của Tổ chức Tín dụng, chi nhánh Ngân hàng

nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổ chức Tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài (Trừ quỹ Tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô) áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 6,5%/năm. Tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng một số nhu cầu vốn. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư 39 quy định: Phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bắc Việt là loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ có vốn điều lệ là: 1.750.000.000 đồng nên được hưởng quy định trên. Vì vậy, chỉ chấp nhận mức lãi suất vay là 6,5%/năm là có căn cứ đúng pháp luật. Về phương pháp tính lãi suất vẫn theo cách tính của Ngân hàng, các nội dung khác không trái pháp luật vẫn có hiệu lực pháp luật đối với các bên. Sau khi điều chỉnh thì tính đến ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 10/8/2020 bên vay còn phải trả cho Ngân hàng gốc: 1.083.999.818 đồng, lãi: 285.837.560 đồng, tổng cộng: 1.369.837.378 đồng. Do đó, số tiền mà Ngân hàng không được chấp nhận là: 1.378.986.838 đồng (số tiền Ngân hàng yêu cầu)-1.369.837.378 đồng (số tiền được chấp nhận)= 9.149.460 đồng.

Về biện pháp bảo đảm hợp đồng:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng: 52; Quyền số: 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/1/2012 tại trụ sở Văn phòng Công chứng Phố Hiến –tỉnh Hưng Yên. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/01/2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Ngày 05/7/2016 tại Văn phòng Công chứng Phố Hiến –tỉnh Hưng Yên. Các bên gồm Ngân hàng, Cty, bên thế chấp tài sản tiến hành sửa đổi hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 52; Quyền số: 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/1/2012 sửa đổi quy định tại Điều 1 và Điều 2 số công chứng 1596; Quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2016 tại Văn phòng Công chứng Phố Hiến, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Theo thỏa thuận thì hợp đồng thế chấp có nội dung là bao gồm nghĩa vụ của bên vay vốn tại ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hưng Yên và tất cả các đơn vị khác (Trụ sở chính, Chi nhánh/Phòng giao dịch) thuộc mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân đội. Thời hạn thế chấp được tính kể từ khi thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đến khi toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ trong tương lai. Nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này là nghĩa vụ tài chính của bên vay vốn, bao gồm nghĩa vụ thanh toán, trả nợ gốc, nợ lãi, các chi phí, phí, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính phát sinh khác (nếu có). Các Hợp đồng được cấp tín dụng được xác lập trước và sau thời điểm ký hợp đồng này. Theo thỏa thuận trên giữa các bên thì Hợp đồng tín dụng: số 16065.17.741.456383.TD ngày 18/8/2017 và Khế ước nhận nợ số LD1804404931 ngày 13/02/2018 được

bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng:52; Quyền số: 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/1/2012 tại trụ sở Văn phòng Công chứng Phố Hiến –tỉnh Hưng Yên và được sửa đổi ngày 05/7/2016 tại Văn phòng Công chứng Phố Hiến, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Về thủ tục thế chấp tài sản bảo đảm đúng quy định của pháp luật nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Ngân hàng yêu cầu bên vay tiếp tục phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc của hợp đồng. Xét các bên đã có thỏa thuận này trong hợp đồng và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận là có căn cứ. Tuy nhiên mức lãi suất mà Tòa án ấn định là 6.5% theo quy định tại Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/07/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng. Xét các bên thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp nên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các điều 117, 119, 317, 320, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/07/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).

1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bắc Việt trả cho Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) số tiền tính đến ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/8/2020 là: 1.369.837.378 đồng (trong đó nợ gốc: 1.083.999.818 đồng, nợ lãi: 285.837.560 đồng).

2. Số tiền mà Ngân hàng không được chấp nhận là: 9.149.460 đồng.

3. Kể từ ngày 11/8/2020 bên vay tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là (6,5%/năm x 150%) và các thỏa thuận khác trong hợp đồng, kể ước cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, kể ước các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 98 tờ bản đồ số 6, diện tích 360m² tại xã Văn Phúc, huyện Châu Giang (nay là Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang), tỉnh Hưng Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K139575; sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 1426/QSĐĐ do UBND huyện Châu Giang cấp ngày 01/06/1997 cho ông NVC.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bắc Việt phải chịu 53.095.121 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 24.568.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005011 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho Ngân hàng 21.568.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- TAND TP. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Quang